

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 08-07-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng gia công*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2- Bà Nguyễn Thị Xuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thủy Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 831/TLST-KDTM ngày 01/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng gia công*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L;

Trụ sở: 161 LC, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân D.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Khuru Thiên T. (Giấy ủy quyền ngày 14/9/2020).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.A;

Trụ sở: 429/12C LV, Phường MH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Giang Thùy A.

Địa chỉ: 429/12C LV, Phường MH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2020; bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L có ông Khuru Thiên T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/02/2018 Công ty TNHH Một thành viên L (gọi tắt là Công ty L) và Công ty TNHH T.A (gọi tắt là Công ty T.A) ký kết hợp đồng nguyên tắc số

17/HĐNT-2018 về việc gia công in ấn phẩm “truyện tranh và các loại ấn phẩm khác”, theo đó Công ty L nhận thực hiện từ ghi kẽm, in đến thành phẩm ấn phẩm cho Công ty T.A. Ngoài ra, hai bên ký kết một số hợp đồng kinh tế tương ứng cho các kỳ đặt hàng của Công ty T.A: Hợp đồng 269/HĐ-2018, ký ngày 20/6/2018, Tên ấn phẩm : S tập 7, số lượng : 3.000, số giấy phép : QĐXB: 196/QĐ-NXBHP; Hợp đồng 288/HĐ-2018, ký ngày 03/7/2018, Tên ấn phẩm : K-S tập 10, số lượng : 3.000, số giấy phép : QĐXB: 203/QĐ-NXBHP; Hợp đồng 293/HĐ-2018, ký ngày 05/7/2018, Tên ấn phẩm : CP Tủ tập 5, số lượng : 3.000, số giấy phép : QĐXB: 202/QĐ-NXBHP; Hợp đồng 311/HĐ-2018, ký ngày 14/7/2018, Tên ấn phẩm: TT

BQ tập 19, số lượng : 3.000, số giấy phép : QĐXB: 204/QĐ-NXBHP; Hợp đồng 310/HĐ-2018, ký ngày 14/7/2018, Tên ấn phẩm : BM 9, số lượng : 2.000, số giấy phép : QĐXB: 274/QĐB-Đ0N.

Thực hiện hợp đồng, Công ty L luôn thực hiện đầy đủ cam kết in gia công và giao thành phẩm “truyện tranh và các ấn phẩm khác” cho Công ty T.A theo đúng thỏa thuận giữa 02 bên. Tuy nhiên, Công ty T.A nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí công in theo thỏa thuận tại Điều 4 hợp đồng Nguyên tắc số 17/HĐNT-2018 ký ngày 05/02/2018 “*về điều khoản thanh toán chậm và công nợ trên 250 triệu đồng*”.

Ngày 18/12/2018 Công ty T.A có văn bản phúc đáp xác nhận nợ 387.002.936 đồng, đề xuất sẽ tiến hành đối chiếu công nợ cho đến 31/12/2018 là thời điểm kết thúc năm tài chính 2018 và cam kết trong thời gian tới sẽ tuân thủ thanh toán 100% đơn hàng nếu có phát sinh, đồng thời sẽ thực hiện trả bớt công nợ cũ. Nhưng thực tế từ ngày 01/01/2019 đến ngày 02/06/2021 (đợt thanh toán lần cuối cùng) Công ty T.A chỉ thanh toán số tiền là 91.000.000 đồng.

Nay, Công ty L khởi kiện yêu cầu Công ty T.A thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền là 291.119.015 đồng, trong đó nợ gốc là 225.807.936 đồng và lãi do chậm thanh toán theo hợp đồng tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 18/03/2022 là 65.311.079 đồng (áp dụng mức lãi suất là 9%/ năm). Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty T.A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án thì yêu cầu của nguyên đơn Công ty Lê Quang L là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận B đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

[3] Công ty L yêu cầu Công ty T.A yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng nguyên tắc số 17/HĐNT-2018 về việc gia công in ấn phẩm “truyện tranh và các loại ấn phẩm khác” nên đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn Công ty T.A có trụ sở tại Quận B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Nguyên đơn Công ty L có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn Công ty T.A mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[6] Xét, Hợp đồng nguyên tắc được ký vào ngày 05/02/2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 để giải quyết.

[7] *Về yêu cầu của đương sự:* Nguyên đơn Công ty L yêu cầu Công ty T.A thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền là 291.119.015 đồng, trong đó nợ gốc là 225.807.936 đồng và lãi do chậm thanh toán theo hợp đồng tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 18/03/2022 là 65.311.079 đồng (áp dụng mức lãi suất là 9%/ năm). Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về tính pháp lý của hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc số 17/HĐNT-2018, Hợp đồng 269/HĐ-2018 ngày 20/6/2018, Hợp đồng 293/HĐ-2018 ngày 05/7/2018, Hợp đồng 288/HĐ-2018 ngày 03/7/2018, Hợp đồng 311/HĐ-2018 ngày 14/7/2018, Hợp đồng 310/HĐ-2018 ngày 14/7/2018 có nội dung và hình thức phù hợp theo quy định tại Điều 398, 542 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý, phát sinh hiệu lực. Theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự thì: “*Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, ... Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.*” Như vậy, các hợp đồng trên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết và là căn cứ để Tòa án giải quyết tranh chấp.

[9] *Về tiền nợ gốc:*

[10] Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ được hai bên trao đổi qua email, các Hóa đơn giá trị gia tăng, thể hiện Công ty L thực hiện đầy đủ nghĩa vụ in gia công và giao thành phẩm “truyện tranh và các ấn phẩm khác” cho Công ty T.A.

[11] Căn cứ văn bản phúc đáp ngày 18/12/2018 của Công ty T.A : *xác nhận còn nợ Nguyên đơn 387.002.936 đồng, đề xuất hai bên đối chiếu công nợ đến 31/12/2018, và cam đoan trong thời gian 18/12/2018 cho đến ngày đối chiếu công nợ sẽ tuân thủ thanh toán 100% giá trị đơn hàng nếu có phát sinh.*

[12] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty L xác nhận Công ty T.A đã thanh toán số tiền là 91.000.000 đồng cho công ty nhưng đến nay Công ty T.A chưa thanh toán số tiền còn lại 225.807.936 đồng.

[13] Căn cứ Điều 4, hợp đồng Nguyên tắc số 17/HĐNT-2018 ngày 05/02/2018 các bên thỏa thuận: *“Lần 1: Bên B ứng 30% giá trị của Hợp đồng cho bên A ngay khi đặt hàng. Lần 2: bên B thanh toán phần còn lại giá trị hợp đồng cho bên A trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận hàng”* .

[14] Tại Khoản 3 Điều 544 Bộ luật Dân sự quy định Nghĩa vụ của bên đặt gia công: *“Trả tiền công theo đúng thỏa thuận”*, tại Khoản 3 Điều 547 Bộ luật Dân sự quy định Quyền của bên nhận gia công: *“Yêu cầu bên đặt gia công trả đủ tiền công theo đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận”* và tại Khoản 1 Điều 552 Bộ luật Dân sự quy định Trả tiền công: *“Bên đặt gia công phải trả đủ tiền công vào thời điểm nhận sản phẩm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*.

[15] Căn cứ phần trình bày của nguyên đơn và chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định từ khi xác nhận công nợ cho đến nay Công ty T.A đã thanh toán được 91.000.000 đồng, số tiền còn lại 225.807.936 đồng vẫn chưa thanh toán cho Công ty L. Như vậy, Công ty T.A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 4 Hợp đồng Nguyên tắc số 17/HĐNT-2018 ngày 05/02/2018 và Khoản 3 Điều 544, Khoản 1 Điều 552 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Công ty L về việc buộc bị đơn Công ty T.A thanh toán tiền nợ gốc 225.807.936 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] *Về tiền lãi chậm thanh toán:*

[17] Nguyên đơn Công ty L yêu cầu bị đơn Công ty T.A trả tiền lãi do chậm thanh toán theo hợp đồng tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 18/03/2022 là 65.311.079 đồng, với mức lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà nước là 9 %/năm.

[18] Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau:

“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường....”.

[19] Căn cứ văn bản xác nhận công nợ ngày 18/12/2018 thể hiện Công ty T.A cam kết trong thời gian 18/12/2018 đến hết 31/12/2018 thanh toán 100% giá trị đơn hàng. Như vậy, thời hạn cuối cùng mà T.A phải thanh toán tiền gia công cho Công ty L là sau ngày 31/12/2018, cụ thể là ngày 01/01/2019.

[20] Xét, như phân tích trên, Công ty T.A chậm thanh toán tiền gia công còn thiếu cho Công ty L từ ngày 01/01/2019 nên yêu cầu của Công ty L về việc buộc Công ty T.A trả tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 18/03/2022 là phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

[21] Tại Công văn số 797/BIDV.BNE-QLRR ngày 26/11/2021 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Công văn số 189/NHNo3-TD ngày 02/3/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Công văn 1178/CV-CN3 ngày 11/01/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm là $(10\% + 8,5\% + 9\%)/3 \times 150\% = 13,75\%/ \text{năm}$.

[22] Xét, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 9%/năm là thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Công ty L.

[23] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty L về việc buộc bị đơn Công ty T.A thanh toán cho Công ty L số tiền 291.119.015 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 225.807.936 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 18/3/2022 là 65.311.079 đồng.

[24] *Về thời hạn thanh toán* : như phân tích trên, bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán, kéo dài thời gian thanh toán nên đã quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Công ty L buộc bị đơn Công ty T.A phải thanh toán số tiền 291.119.015 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[25] Xét, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Công ty T.A đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vẫn không có mặt, không đưa ra tài liệu chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định, thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[26] *Về án phí kinh doanh thương mại*:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.555.951 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007861 ngày 29/9/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B là 10.798.823 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 2 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 544, Điều 547 và Điều 552 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương Mại năm 2005;

Căn cứ Khoản 4 Điều 18; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án 10/2009/ UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.A phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L số tiền 291.119.015 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 225.807.936 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 18/03/2022 là 65.311.079 đồng theo Hợp đồng nguyên tắc số 17/HĐNT-2018 ngày 05/02/2018, Hợp đồng 269/HĐ-2018 ngày 20/6/2018, Hợp đồng 288/HĐ-2018 ngày 03/7/2018, Hợp đồng 293/HĐ-2018 ngày 05/7/2018, Hợp đồng 311/HĐ-2018 ngày 14/7/2018, Hợp đồng 310/HĐ-2018 ngày 14/7/2018.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.A phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.555.951 đồng (Mười bốn triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi một đồng).

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007861 ngày 29/9/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 là 10.798.823 đồng (Mười triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn tám trăm hai mươi ba đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh